

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI ĐẦU TƯ NSNN NĂM 2020

(Niên độ Ngân sách năm 2019)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
Tổng hợp kiến nghị giảm chi thường xuyên NSNN		3.931.008.577.540	265.036.243.709	26.032.845.327	630.134.457.798	772.582.180.782	90.762.543.046	2.146.460.306.878
I. Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)		131.758.377.896	7.191.155.766	14.749.029.689	0	36.809.306.155	0	73.008.886.286
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39.346.796.882	2.564.577.207			5.970.453.749		30.811.765.926
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	24.847.175.319	901.582.300			5.529.267.105		18.416.325.914
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải	4.371.328.286				1.823.866.041		2.547.462.245
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.745.207.414	23.179.000			81.240.000		1.640.788.414
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4.865.549.000	203.683.000			1.389.036.000		3.272.830.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Y tế	15.207.322.448	233.943.694			10.073.002.927		4.900.375.827
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng cục Thuế	15.757.910.600	1.500.161.000			5.800.446.600		8.457.303.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	14.749.029.689		14.749.029.689				
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2.142.901.000	920.614.000			629.542.000		592.745.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao	8.725.157.258	843.415.565			5.512.451.733		2.369.289.960

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
2. Ngân sách địa phương (Tỉnh)		1.883.689.417.620	93.825.002.286	0	424.344.590.552	333.543.154.282	0	1.031.976.670.500
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Cao Bằng	10.412.751.966	2.230.741.386			363.259.409		7.818.751.171
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bến Tre	17.468.384.280	5.868.700.662			2.447.043.614		9.152.640.004
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Đắk Lắk	23.185.420.000	262.250.000		822.296.000	10.224.635.000		11.876.239.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hà Giang	70.757.359.068	1.293.539.130		53.808.849.442	6.439.446.410		9.215.524.086
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hà Tĩnh	30.196.987.250	111.822.408		158.040.000	7.149.309.440		22.777.815.402
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hải Dương	6.347.857.592	198.037.000			1.499.072.000		4.650.748.592
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bắc Ninh	60.005.491.606	737.855.642		22.027.850.000	6.328.914.556		30.910.871.408
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Gia Lai	36.394.393.000	515.325.000		11.135.187.000	4.275.065.000		20.468.816.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bắc Giang	15.282.154.340				2.032.288.000		13.249.866.340
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Cần Thơ	30.015.554.830	11.232.498.307			15.321.756.245		3.461.300.278
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh	154.298.664.481	9.837.000.839			19.601.208.260		124.860.455.382
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Hải Phòng	173.658.392.180			7.209.862.699	7.003.869.450		159.444.660.031
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Hà Nội	120.135.089.095	2.755.638.731			38.942.777.016		78.436.673.348
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2017 - 2019 thành phố Đà Nẵng	57.716.098.840	7.403.652.000		20.792.442.840	15.845.942.000		13.674.062.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Kiên Giang	30.789.349.700	7.210.365.384			17.375.158.445		6.203.825.871
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Đồng Nai	71.895.176.861	3.991.263.845			22.796.461.569		45.107.451.447
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Bình Phước	20.744.522.597	2.346.735.704			6.377.952.237		12.019.834.656

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Kon Tum	83.995.288.000	827.844.000		78.295.000.000	490.604.000		4.381.840.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	52.330.815.776	2.081.516.709			11.888.032.550		38.361.266.517
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lai Châu	38.994.933.033	2.243.548.253		24.626.006.571	2.477.309.149		9.648.069.060
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Long An	29.941.348.168	2.792.005.904			13.727.793.847		13.421.548.417
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lạng Sơn	42.552.788.328	4.797.181.903		3.954.564.650	8.767.749.826		25.033.291.949
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Yên Bái	32.515.140.579	1.807.212.306		1.916.882.000	8.731.074.843		20.059.971.430
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Tỉnh Tuyên Quang	13.357.281.039	1.334.627.456		7.105.640.000	3.294.168.942		1.622.844.641
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Trà Vinh	13.944.442.581	2.247.096.571			3.664.614.181		8.032.731.829
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lâm Đồng	14.006.670.658	787.546.399		5.789.313.172	697.957.087		6.731.854.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Thanh Hóa	74.191.148.349	1.090.480.000		8.818.377.349	7.456.700.000		56.825.591.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Thái Nguyên	37.528.671.488	1.989.474.904			8.255.381.955		27.283.814.629
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Sóc Trăng	2.801.602.321	1.599.889.076			572.743.965		628.969.280
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Trị	44.540.339.168	458.748.552			1.071.339.287		43.010.251.329
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Ninh	43.080.803.000	1.211.766.000			7.299.809.000		34.569.228.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Tiền Giang	9.142.884.000	6.268.937.000			1.771.748.000		1.102.199.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Bình	9.958.757.711	134.942.000		498.779.000	1.810.828.063		7.514.208.648
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Phú Yên	134.390.440.424	282.684.555		116.640.618.709	9.981.770.238		7.485.366.922
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Phú Thọ	15.934.376.536	2.496.184.682			9.342.915.365		4.095.276.489

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Ninh Thuận	15.527.747.612	771.916.911		9.965.372.091	1.298.379.380		3.492.079.230
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Ninh Bình	121.840.913.000	753.565.000		13.146.754.000	31.532.477.000		76.408.117.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Nghệ An	30.217.356.487	288.334.519		6.433.243.091	7.680.461.120		15.815.317.757
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lào Cai	56.275.624.888	1.091.443.548		1.887.295.150	6.601.259.833		46.695.626.357
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Ngãi	37.316.396.788	472.630.000		29.312.216.788	1.103.878.000		6.427.672.000
3. Kiểm toán chuyên đề		441.087.552.360	20.330.097.710	146.106.738	120.801.876.589	59.122.647.168	0	240.686.824.155
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý thu ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Bình	17.324.515.000	188.088.000			1.685.223.000		15.451.204.000
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý thu ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 trên địa bàn tỉnh Nam Định	45.572.270.000	308.239.000			16.342.904.000		28.921.127.000
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý thu ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	29.934.777.859	335.920.529	135.656.000		2.498.055.695		26.965.145.635
-	Kiểm toán chuyên đề Việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và dự phòng 10% tại các bộ, ngành, địa phương	42.765.059.195	110.909.000			3.677.712.637		38.976.437.558
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý và sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017 - 2019 của tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long	74.146.869.340	13.671.014.952		276.465.024	5.888.106.251		54.311.283.113
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2017-2019 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	30.253.485.000	358.036.000			2.307.830.000		27.587.619.000
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Tư pháp	3.905.908.000	109.758.000			1.706.351.000		2.089.799.000
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải, rác thải tại Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019	269.947.092				269.947.092		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án các công trình hạ tầng quy mô nhỏ thuộc Chương trình 135 năm 2018 của 05 tỉnh, gồm: Hà Giang, Hòa Bình, Quảng Trị, Kon Tum và Trà Vinh	478.805.910	261.696.000			205.115.910		11.994.000
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý đầu tư XDCB năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	23.301.910.614	1.038.143.192		823.483.939	1.354.741.614		20.085.541.869
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	5.492.986.706	60.705.227			1.181.024.951		4.251.256.528
-	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	16.661.415.189	18.775.452			7.427.887.799		9.214.751.938
-	Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trì đường bộ giai đoạn 2017 - 2019 tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum	15.808.558.400	170.685.000		13.027.168.400			2.610.705.000
-	Kiểm toán chuyên đề Chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng năm 2019	1.120.167.482				1.120.167.482		
-	Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2019	5.366.356.499	289.945.123			2.046.903.198		3.029.508.178
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	1.903.854.319	324.681.230			136.336.976		1.442.836.113
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	5.283.121.484	475.791.747			4.807.329.737		
-	Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020" tại 18 tỉnh (Chương trình PforR)	36.752.260.638	629.198.945	10.450.738	31.508.056.929	1.608.147.862		2.996.406.164
-	Kiểm toán chuyên đề Công tác mua sắm, quản lý, sử dụng trang thiết bị và hoạt động đầu tư xây dựng ngành giáo dục giai đoạn 2016-2019 tỉnh Sóc Trăng	2.487.012.463	654.553.176			459.205.228		1.373.254.059
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí "Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020.	16.692.000				16.692.000		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh Điện Biên năm 2019	79.166.631.297	1.283.465.000		75.166.702.297	1.348.509.000		1.367.955.000
-	Kiểm toán chuyên đề Chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2019	3.074.947.873	40.492.137			3.034.455.736		
4. Kiểm toán hoạt động		37.541.120.605	16.306.747.175	0	0	5.067.641.533	0	16.166.731.897
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2016-2020 của Thành phố Hồ Chí Minh	24.312.289.585	15.744.165.585			2.795.892.103		5.772.231.897
-	Kiểm toán hoạt động Việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Cẩm Phả giai đoạn 2017-2019	13.228.831.020	562.581.590			2.271.749.430		10.394.500.000
5. Kiểm toán doanh nghiệp		21.976.697	21.976.697	0	0	0	0	0
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	21.976.697	21.976.697					
6. Kiểm toán đầu tư dự án		1.123.243.109.567	97.239.138.104	11.137.708.900	1.628.914.170	248.824.923.228	0	764.412.425.165
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bính và Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	61.422.278.596	41.954.000		1.524.075.170	13.076.747.000		46.779.502.426
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội	1.218.147.728	44.764.506			1.173.383.222		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến Lộ Tê - Rạch Sỏi	23.664.849.700				23.664.849.700		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	5.513.453.000	159.191.000			1.178.361.000		4.175.901.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8A đoạn Km37-Km85+300, tỉnh Hà Tĩnh	7.058.898.000				4.067.754.000		2.991.144.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp nhà 03 tầng tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế	112.363.000				112.363.000		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu cạn đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long thuộc đường vành đai 3 - TP. Hà Nội	43.021.177.000	166.188.000			2.316.294.000		40.538.695.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	5.790.953.000				5.790.953.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Thị Vải - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	19.887.351.900		9.002.708.900		1.459.283.000		9.425.360.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT	1.149.789.716				49.398.000		1.100.391.716
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD phòng thí nghiệm trọng điểm - bê mô hình tàu thủy thuộc Trường Đại học Hàng hải	21.926.226.000				4.772.445.000		17.153.781.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông - Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu)	1.428.276.000				835.586.000		592.690.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Nội Bài	36.037.485.000	149.794.000			6.719.741.000		29.167.950.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít	20.574.103.721	53.114.630			4.164.270.402		16.356.718.689
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và Hồ chứa nước Sông Lũy	7.804.850.656	144.421.439			6.342.767.380		1.317.661.837
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường trục khu kinh tế nối dài (giai đoạn 1) và Dự án đường trục khu kinh tế nối dài, đoạn Km4+00 - Km18+500 của tỉnh Bình Định	14.828.196.000				395.340.000		14.432.856.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường cát hạ cánh số 02 - Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	22.216.450.000	2.275.032.000			2.296.237.000		17.645.181.000

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau; Dự án Trụ sở UBND tỉnh Cà Mau	109.868.464.182	82.697.284.233			17.492.328.573		9.678.851.376
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020: Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu	22.503.697.000				1.014.404.000		21.489.293.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020: Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn	9.119.166.000						9.119.166.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020: Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45	3.464.592.000				590.946.000		2.873.646.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng mới Cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai; Dự án đầu tư xây dựng mới Cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	46.620.172.770	177.475.000			46.442.697.770		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La	9.546.582.811				8.674.332.079		872.250.732
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đập ngăn mặn sông Hiếu, tỉnh Quảng Trị và Dự án Hồ chứa nước Mỹ Lâm, tỉnh Phú Yên	25.498.509.000				898.685.000		24.599.824.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Công âu thuyền Ninh Quới; Tiểu dự án 6 - Hợp phần 3 - Dự án Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long; Dự án Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 1; Dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1	9.514.186.313	645.943.419			4.388.621.160		4.479.621.734
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cầu Cửa Hội bắc qua sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh	976.926.753				289.228.341		687.698.412

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn theo hình thức hợp đồng BOT	7.779.218.000			104.839.000	52.975.000		7.621.404.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công và vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào của các dự án tại Bộ Giáo dục và đào tạo	792.642.827	792.642.827					
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Điễn Châu - Bãi Vọt, Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo, Vĩnh Hảo - Phan Thiết)	16.399.140.000	194.565.000			5.235.827.000		10.968.748.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường sắt và các dự án đường bộ quan trọng, cấp bách theo Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/7/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	43.969.830.143				13.979.860.444		29.989.969.699
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La	10.708.683.189	4.510.124.894			144.484.180		6.054.074.115
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)	286.089.000	117.157.000			168.932.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hồ chứa nước Sông Chò I	4.480.719.000	81.335.000			299.957.000		4.099.427.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020; Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn -Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	509.043.201				509.043.201		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp tuyến đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp giao thông đoạn Bái Đính - Kim Sơn	20.571.399.000	1.384.693.578			13.855.556.422		5.331.149.000

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển Thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	16.559.111.311	1.016.140.000			2.175.012.000		13.367.959.311
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Thu gom và xử lý nước thải thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu	3.595.453.000				577.689.000		3.017.764.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 và Dự án cải tạo, nâng cấp QL53 đoạn Trà Vinh - Long Toàn, tỉnh Trà Vinh	8.358.119.181	24.515.000			1.056.016.575		7.277.587.606
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Tín dụng ngành Giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường Quốc Gia lần thứ 2	1.639.700.000	152.374.000			1.487.326.000		
-	Kiểm toán Dự án Tin học hóa công tác quản lý điều hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và xây dựng cổng thông tin điện tử Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	110.000.000						110.000.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở cơ quan của Ủy ban Dân tộc số 349 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	5.748.076.000				5.748.076.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (Nhà Kỹ thuật cao)	1.197.985.000				1.197.985.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư tuyến đường kết nối giữa cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với Quốc lộ 1 giai đoạn II điều chỉnh lên quy mô cao tốc	3.826.879.300	70.823.300	2.135.000.000		1.621.056.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD cầu Tinh Húc vượt sông Lô, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	4.527.231.000				2.188.851.000		2.338.380.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương	32.974.787.545	463.403.545			4.387.920.509		28.123.463.491
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt - Xô (khu vực sân khấu) và Dự án mua sắm trang thiết bị cho Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt - Xô để phục vụ Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII	662.769.310				662.769.310		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp QL12 đoạn Km22-Km66, tỉnh Lai Châu	65.588.000	65.588.000					
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường đi đến Trung tâm xã Thuận Hòa, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	591.663.000				591.663.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân đi bằng đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng theo hình thức hợp đồng BT	11.922.000	3.000.000			8.922.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí – Trung tâm thông tin tư liệu và dự án xây dựng Trụ sở Hội nhà báo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	762.184.100	762.184.100					
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào	17.635.492.594				626.940.577		17.008.552.017
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng mới trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	4.250.763.102				4.250.763.102		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng đường trục phát triển nội Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	12.375.734.000				175.481.000		12.200.253.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2	14.324.813.190				14.324.813.190		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	323.845.591.728	80.146.633			4.775.974.091		318.989.471.004
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	19.525.415.000				4.148.105.000		15.377.310.000

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường giao thông liên kết các vùng phát triển kinh tế - xã hội phía Đông tỉnh Hà Giang giáp ranh tỉnh Cao Bằng (đường tỉnh: Ngọc Đường - Tùng Bá - Tráng Kim)	7.331.192.000	965.283.000			6.365.909.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường bộ ven biển Việt Nam theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ đoạn qua tỉnh Thái Bình, Nam Định - Dự án Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định.	7.058.729.000						7.058.729.000
7. Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng		313.667.022.795	30.122.125.971	0	83.359.076.487	89.214.508.416	90.762.543.046	20.208.768.875
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2020 lĩnh vực Quốc phòng	122.199.649.217	18.894.717.724		21.016.477.980	47.712.141.592	14.367.543.046	20.208.768.875
-	Tổng hợp Kết quả kiểm toán năm 2020 lĩnh vực An ninh-Đảng	191.467.373.578	11.227.408.247		62.342.598.507	41.502.366.824	76.395.000.000	